

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/08/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD3+P9	7:25	8+14+0	0+0+0		4+10+8	0+0+0	chuyen 4 td5-td3chuyen 3 td3-p9
2		TTC2+TD3+TD1	7:25	12+1+9	0+0+0		4+8+9	0+0+0	chuyen 1 td3-td1
3		P8+CLO	7:25	12+10	0+0		11+11	0+0	
4		TD2	7:25	16	0		14	0	
5		BK19+TD5	9:25	5+17	0+0		3+19	0+0	
6		TTC3+P8	9:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
7		SAVR+IDUN	9:25	6+15	0+0		2+19	0+0	
8		TD1+P4	11:25	21+0	0+0		14+6	0+0	
9		BK14+MRM+PBDA	11:25	0+0+14	0+0+0		1+0+20	0+0+0	chuyen 3 bk14-mrm
10		P8+P6	11:25	8+14	0+0		0+22	0+0	
11		SAVR	11:25	18	0		18	0	ec225
12		CLO+TTC1+TTC2	13:35	16+4+1	0+0+0		9+6+6	0+0+0	
13		P11+P6+P9	13:35	13+9+0	0+0+0		2+6+12	0+0+0	
14		CTK3+RP3+RC6	13:35	3+12+0	0+0+0		3+0+6	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày SAVR-Ing, TTC2-4ng



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: TD5 - TD3 - P9	CREW: VIỆT - SƠN - THÀNH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/3799	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TỪ DƯƠNG DŨNG	TD5	58	1	5	3	60	69	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN DINH	TD5	62-63	2	13			85	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẶNG TRUNG KIÊN	TD5	60	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	59	1	5			60	KHOAN	Vietnamese
5	TÔ THÀNH HÙNG	TD5	57	1	4			56	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	56	1	2			68	KHOAN	Vietnamese
7	LƯU VĂN PHONG	TD5						72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	61	1	6			82	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	38	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG MINH	TD3	32	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3						66	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU NHÂN	TD3	60	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TƯ HỢP	TD3	39	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN NAM CƯỜNG	TD3	36-37	2	18			85	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC DŨNG	TD3	33	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	62	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN THÀNH NHÂN	TD3	31	1	2			75	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM THANH DŨNG	TD3	63	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG VIỆT	TD3	34-35	2	7			69	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY CƯỜNG	TD3	40-41	2	14			81	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CAO HOÀNG	TD3	61	1	3			77	KHOAN	Vietnamese
22	MAI THÀNH ĐẠT	TD3	29-30	2	14			82	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	8	563	8	40	3	60	4 + 4		CHUYỂN 4 PAX TD5-TD3
2	TD3	14	1.013	17	89	0	0	10 + 3		CHUYỂN 3 PAX TD3-P9
3	P9	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	1.576	25	129	3	60	22		
WEIGHT KG			1.576		129		60			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: TTC2 - TD3 - TD1	CREW: NAM - HTRUNG - THỤ	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/3803	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PEREKRESTOV P.V	TTC2						108	D-HANH	Russian
2	LÊ ĐỨC THẮNG	TTC2	64	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐĂNG MINH ĐỨC	TTC2				1	9	91	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ HÙNG HẢI	TTC2						72	ANTOAN	Vietnamese
5	LÊ HỒNG CƯỜNG	TTC2	65-66	2	19			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	TTC2	63-64	2	9			66	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN THỰC	TTC2	59	1	7			50	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRƯỜNG AN	TTC2	56	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	57-58	2	21			78	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN SƠN	TTC2						61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HÀM CHUNG	TTC2	70	1	7			70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN THANH QUANG	TTC2	60-61	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TẮT LỘC	TD3	19	1	3			58	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	78	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHONG	TD1	81-82	2	7			66	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM QUANG ANH	TD1	84-85	2	14			78	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN THÀNH TUẤT	TD1	76-77	2	9			55	KHOAN	Vietnamese
18	TRƯƠNG XUÂN TRUNG	TD1	88	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM TIẾN NINH	TD1	83	1	7			70	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ XUÂN QUÝ	TD1	79	1	9			101	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC HẢI	TD1	86-87	2	7	1	20	65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	TD1	80	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	12	897	12	101	1	9	4		CHUYỂN 1 PAX TD3-TD1
2	TD3	1	58	1	3	0	0	8 + 1		
3	TD1	9	669	13	66	1	20	10		
TOTAL		22	1.624	26	170	2	29	22		
WEIGHT KG			1.624		170		29			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO: P8 - CLO	CREW: KHOAN - N.CƯƠNG - TOAN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/3807	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐINH QUANG TRUNG	P8	68	1	6	1	20	74	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ HOÀNG LONG	P8	66	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ANH TRÍ	P8	69-70	2	19			60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC THUẬN	P8	71	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	73	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THẾ CHINH	P8	72	1	11			58	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ XUÂN QUÝ	P8	59	1	8	1	14	71	YTE	Vietnamese
8	CHANATEP LUKSANAPRIM	P8	65	1	4	2	22	70	BAKER HUGHES	Thailand
9	CHAMNAN CHOMCHOEY	P8	61-62	2	18			68	BAKER HUGHES	Thailand
10	NGÔ VĂN ĐÔN	P8	67	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁNH DUY	P8						83	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN TÂN	P8	74	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM QUANG TRUNG	CLO	54	1	12			79	D-HANH	Vietnamese
14	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	48	1	3			57	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	53	1	3			64	KHOAN	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG CHUNG	CLO	50	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ VĂN QUỲNH	CLO	51	1	4			72	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG TRUNG THÔNG	CLO	49	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ MINH HIẾU	CLO	52	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	CLO						86	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM THANH BÌNH	CLO	47	1	7			84	ANTOAN	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN QUYÊN	CLO	55	1	11	1	8	67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	12	824	13	95	4	56	11		
2	CLO	10	736	9	60	1	8	11		
TOTAL		22	1,560	22	155	5	64	22		
WEIGHT KG			1,560		155		64			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

ĐO XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯỜNG





VIETSOVPETRO
XNLD VIETSOVPETRO
Điện thoại: 0918532945

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH

Tàu Biển: TD02-VT

Ngày: 20-08-2026	Nơi xuất phát: TAM DAO-02	Số hiệu máy bay:	Giờ cất cánh: 08:25
Chuyến bay: KOMULAN	Nơi đến: VÙNG TÀU	Tổ bay: TD2	Giờ hạ cánh:

HÀNH KHÁCH:

Stt	Tên hành khách	Chức vụ	Công ty	Quốc tịch	Danh Số	Hành lý		Trọng lượng
						Số kiện	Kg	
1	Phạm Văn Hùng	KS động lực	XN khoan	Việt Nam		1	5	76
2	Đinh Duy Hải	KS tự động hóa	XN khoan	Việt Nam		2	16	70
3	Lê Xuân Phương	Thợ Diesel	XN khoan	Việt Nam		1	6	71
4	Phan Tuấn Anh	Thợ Diesel	XN khoan	Việt Nam		1	3	85
5	Phạm Thế Chuyên	Thợ Điện	XN khoan	Việt Nam		1	2	65
6	Dương Hải Bằng	Thợ Điện	XN khoan	Việt Nam		1	5	78
7	Hồ Văn Hùng	Posman	XN khoan	Việt Nam		1	7	77
8	Hồ Chí Công	Thợ móc cáp	XN khoan	Việt Nam		1	5	80
9	Phạm Văn Thắng	Ks Vật Tư	XN khoan	Việt Nam		1	6	84
10	Lê Minh Đức	Thông tin	XN khoan	Việt Nam		1	3	92
11	Mai Đức Thân	Lái cầu	XN khoan	Việt Nam		1	7	69
12	Trần Mai Nguyên Phước	Hóa phẩm Xi măng	XN khoan	Việt Nam		2	15	94
13	Ngô Văn Bắc	Chuyên Viên AT	TTAT	Việt Nam		1	12	72
14	Trương Hữu Phước	Bác sỹ	TTY tế	Việt Nam		1	13	64
	Số HK đi:				Trọng lượng:	16	105	1077

HÀNG HÓA:

Stt	Tên hàng hóa	Nơi đến	Số lượng	Trọng lượng
1				
2				
3				
4				

Ghi chú:

Người lập:

Đại diện gian:

Phi công trưởng:

Nguyễn Văn Hùng

Tổng cộng	0	0
Mô tả	Số lượng	Trọng lượng
Hành khách	14	1077
Hành lý	16	105
Hàng hóa	0	0
Tổng cộng	30	1182



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH - 2	TO: BK19 - TD5	CREW: QVIỆT - SƠN - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/3800	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN DƯƠNG HÒE	BK19	52	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRUNG TUẤN	BK19	54	1	13			74	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ANH QUANG	BK19	55-56	2	20			81	CODIEN	Vietnamese
4	BÙI ĐỨC HẬU	BK19	57	1	12	2	24	64	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TUẤN	BK19	53	1	9			74	PSV	Vietnamese
6	PHAN ĐĂNG TUẤN	TD5	80-81	2	10			72	KH-THAC	Vietnamese
7	ILIASHENKO D.A	TD5	79	1	13			74	ANTOAN	Russian
8	DUTKO VASILII	TD5	77-78	2	20			94	ĐẠI LÂM-TSS	Russian
9	TRẦN MẠNH HÙNG	TD5	73	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
10	HÀ MẠNH HẢI	TD5	300	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN KHẢI	TD5	68	1	16			74	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MẠNH TIẾP	TD5	95-97	3	14			63	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM GIA PHÚC	TD5	99	1	13			79	KHOAN	Vietnamese
14	BÙI TÂN BÌNH	TD5	74-76	3	20			75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	TD5	82-83	2	14			64	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD5	94	1	13	1	13	67	KHOAN	Vietnamese
17	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	72	1	9			69	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN YÊN	TD5	69	1	8			48	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN VĨNH TRUNG	TD5	70	1	8			81	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN HOÀNG TÍN	TD5	71	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC NINH	TD5	67	1	6			81	PSV	Vietnamese
22	TRẦN MINH CÔNG	TD5	98	1	4			74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK19	5	366	6	61	2	24	3		
2	TD5	17	1.237	24	193	1	13	19		
TOTAL		22	1.603	30	254	3	37	22		
WEIGHT KG			1.603		254		37			

GRAND TOAL: 1.894 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TTC3 - P8	CREW: NAM - HTRUNG - THỤ	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/3804	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BẠCH ANH TUẤN	TTC3	14	1	5	3	50	65	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ TIẾN DŨNG	TTC3	15	1	9	1	23	78	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG TRUNG HẬU	TTC3	12-13	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC XUÂN	TTC3	43	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT HÒA	TTC3	17	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ XUÂN TRUNG	TTC3	11	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TÚ THẮNG	P8	56	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY TRƯỜNG	P8	57	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ CHẾ LINH	P8	47	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG TỈNH	P8	49	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BÁ ĐẠT	P8	43-44	2	7			78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LỢI	P8	53	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THÀNH VINH	P8	48	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	55	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NAM HUY	P8	54	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VŨ HÙNG	P8	50-51	2	14			57	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIỀN VŨ	P8	52	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRỌNG TUYẾN	P8	39	1	9	2	31	60	CODIEN	Vietnamese
19	LÊ HUY BẮC	P8	45-46	2	13			76	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY BÀI	P8	38	1	12			86	CODIEN	Vietnamese
21	PHẠM THẾ VIỆT	P8	40	1	12			69	CODIEN	Vietnamese
22	TRẦN MINH HOÀNG	P8	41-42	2	20			83	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC3	6	419	7	44	4	73	6		
2	P8	16	1.144	20	143	2	31	16		
TOTAL		22	1.563	27	187	6	104	22		
WEIGHT KG			1.563		187		104			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM
NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO: SAVR - IDUN	CREW: KHOÀN - N.CƯỜNG - TOAN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/3808	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN QUANG THÁI	SAVR	93-94	2	15			71	MINH MINH	Vietnamese
2	PHẠM XUÂN HOÀNG	SAVR	91	1	10			94	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ QUANG HIỆP	SAVR	49	1	2			69	DK9	Vietnamese
4	KUZNETSOV PAVEL	SAVR	47-48	2	11			91	AMHIP	Russian
5	POMAZANSKII IVAN	SAVR	400	1	8			72	AMHIP	Russian
6	NGUYỄN VĂN DÂN	SAVR	92	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN CƯỜNG	IDUN	07-09	3	17	3	46	88	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG LĨNH	IDUN	11	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO ĐÌNH HUY	IDUN	04-05	2	9			83	KH-THAC	Vietnamese
10	MẠNH TRƯỜNG KHOA	IDUN	18-19	2	13			82	YTE	Vietnamese
11	KO KO OO	IDUN	01,500	2	18			75	SLB	Myanmar
12	LƯU VĂN TUẤN	IDUN	13	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUANG	IDUN	03	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG PHƯỚC	IDUN	12	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THỦY	IDUN	02	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
16	BÙI MINH HẢI	IDUN	16-17	2	8			65	KH-THAC	Vietnamese
17	TỔNG TRUNG HUY	IDUN	10	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VIỆT TRƯỜNG	IDUN	14	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TRUNG KIẾN	IDUN						72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG HẢI HÀ	IDUN	06	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN MƯỜI	IDUN	15	1	5			63	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	6	461	8	52	0	0	2		
2	IDUN	15	1.095	20	121	3	46	19		
TOTAL		21	1.556	28	173	3	46	21		
WEIGHT KG			1.556		173		46			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHAN NHƯ CƯỜNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: TD1 - P4	CREW: HUNG - N.NANH - DTUNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 08	VNHS FLIGHT: TM26/3801		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN HUY QUANG	TD1	51	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
2	BÙI VĂN LUẬN	TD1	94	1	6			73	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUYẾN	TD1	49	1	6			65	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ BÁ PHƯƠNG	TD1	200	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
5	HOÀNG TUẤN ANH	TD1	50	1	15			75	KHOAN	Vietnamese
6	THÁI ĐỨC TOÀN	TD1	92-93	2	7			58	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG BÁCH	TD1	97	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	TD1	48	1	3			56	KH-THAC	Vietnamese
9	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD1	99	1	13			68	ANTOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NAM	TD1	02	1	15			72	DVL	Vietnamese
11	HOÀNG BA THANG	TD1	98	1	15			62	DVL	Vietnamese
12	ĐỖ THANH TIEN	TD1	99	1	15			81	DVL	Vietnamese
13	PHAN THANH TÀI	TD1	52-53	2	19			55	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	TD1	94	1	5			84	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN ĐỊNH	TD1	97	1	13			72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	TD1	195-196	2	15			74	XAYLAP	Vietnamese
17	HỒ THẾ ANH	TD1	95-96	2	16			62	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ VĂN DƯƠNG	TD1	98	1	16			57	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN CÔNG LỰC	TD1	03-04	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
20	DUONG BA VINH	TD1	100	1	12			94	DVL	Vietnamese
21	LÊ VŨ TRUNG	TD1	90-91	2	12			92	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	21	1.476	27	237	0	0	13		
2	P4	0	0	0	0	2	35	8		
TOTAL		21	1.476	27	237	2	35	21		
WEIGHT KG			1.476		237		35			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 12:15
B.CARD: VANG-3	TO: BK14 - MRM - PBDA	CREW: LINH - VTHẮNG - TÚ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM26/3805	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM LÊ TRƯỜNG SƠN	PBDA	60-61	2	15			75	HALLUBURTON	Vietnamese
2	PHAM BA DAT	PBDA	71-72	2	13			84	HALLIBURTON	Vietnamese
3	LIÊU THÁI THẢO NGHI	PBDA	67-68	2	17			65	PVD LOGGING	Vietnamese
4	BÙI ĐỨC LUÂN	PBDA	73	1	10	1	3	76	KHOAN	Vietnamese
5	VƯƠNG KIẾN QUỐC	PBDA	57	1	10			78	DVL	Vietnamese
6	KIZIN SERGEI	PBDA	62,67	2	13			95	AMHTP	Russian
7	MOLODYKH MIKHAIL	PBDA	55	1	9			86	AMHTP	Russian
8	SHPILEVOI KIRILL	PBDA	63-64	2	20			83	AMHTP	Russian
9	TRẦN HỮU THỌ	PBDA	70	1	8			94	MINH MINH	Vietnamese
10	NGUYỄN THÁI DÂN	PBDA	65-66	2	13			79	MINH MINH	Vietnamese
11	LÂM VĂN TÍNH	PBDA	69	1	6			51	MINH MINH	Vietnamese
12	LÊ PHÚ PHÚC	PBDA	59	1	7			84	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HỘI	PBDA	56	1	17			65	DVL	Vietnamese
14	NHÂM ĐỨC TUẤN	PBDA	58	1	13			68	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	0	0	0	0	0	0	1 + 3		CHUYEN 3 PAX BK14-MRM
2	MRM	0	0	0	0	0	0	0		
3	PBDA	14	1.083	20	171	1	3	19		
TOTAL		14	1.083	20	171	1	3	20		
WEIGHT KG			1.083		171		3			

GRAND TOAL: 1.257 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGÔ VĂN THẮNG





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 12:20
B.CARD: TRANG-3	TO: P8 - P6	CREW: DƯƠNG - MTHAO - VŨ	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10	VNHS FLIGHT: TM26/3809		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHẠM VĂN CHINH	P8	24	1	17	1	15	70	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG TRỌNG LINH	P8	25-26	2	13			71	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT HÀ	P8	29-30	2	18			80	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN MINH THÔNG	P8	34-35	2	14			69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CÔNG	P8	36	1	14			66	XAYLAP	Vietnamese
6	BÙI MẠNH HẢI	P8	27-28	2	14			50	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN THÁI THANH	P8	31	1	11	1	10	49	XAYLAP	Vietnamese
8	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	P6	118	1	3	1	20	68	KH-THAC	Vietnamese
9	VĂN MINH TÂN	P6	29	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐÓA	P6	28	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG TUẤN	P6	27	1	8			64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P6	18	1	14	1	10	60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TOÁN	P6	24-25	2	8			75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ANH TÙNG	P6	22	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG BÁ ĐIỀU	P6	16-17	2	10			59	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN HUY HÙNG	P6	21	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MINH TUẤN	P6	119	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN HUY THÔNG	P6	20	1	3	1	10	80	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH HUẤN	P6	26	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P6	20	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG LONG HẢI	P6	32	1	8			90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	7	455	11	101	2	25	0		
2	P6	14	922	16	92	3	40	22		
TOTAL		21	1.377	27	193	5	65	22		
WEIGHT KG			1.377		193		65			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THUY ANH

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8618	ETD: 11:30
B.CARD: XANH-3	TO: SAVR	CREW: LTUẤN - TSON	ETA: 13:30
VSP FLIGHT: 11	VNHS FLIGHT: TM26/3794		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ ANH VŨ	SAVR	48	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TIẾN (12941)	SAVR	58	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾN (11743)	SAVR	49	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	SAVR	51	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ HOÀNG LONG	SAVR	41-42	2	15			103	DMC-MI	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU KHOA	SAVR	47	1	10	2	23	51	MINH MINH	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TỊNH	SAVR	39	1	11			83	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH SỸ TUẤN	SAVR	61-62	2	12			84	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN VĨNH PHÚC	SAVR	50	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG PHƯỢNG	SAVR	55	1	12			67	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG VŨ	SAVR	52	1	6			52	GETRACO	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG SƠN	SAVR	43-44	2	18			74	BAKER HUGHES	Vietnamese
13	NGUYỄN QUYẾT QUỲNH	SAVR	45-46	2	17			71	BAKER HUGHES	Vietnamese
14	ĐÌNH TRẦN ĐỨC TRÍ	SAVR	53-54	2	15			61	BAKER HUGHES	Vietnamese
15	NIYATI ISSARAPREEDA	SAVR	56-57	2	17			74	BAKER HUGHES	Thailand
16	TRỊNH BẢO TRUNG	SAVR	59-60	2	11			71	NHATHAU	Vietnamese
17	KORSHUNOV SERGEY	SAVR	40	1	12			96	AMHIP	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	17	1.248	24	187	2	23	18		
TOTAL		17	1.248	24	187	2	23	18		
WEIGHT KG			1.248		187		23			

GRAND TOAL: 1.458 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN
TRẦN LAM SƠN ☒



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8406	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: CLO - TTC1 - TTC2	CREW: HUNG - N.ANH - DTUNG	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/3802	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN PHÚ VINH	CLO	30	1	8			58	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÌNH NGỌC GIANG	CLO	31-32	2	13			79	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐÌNH THỤ	CLO	93	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG THANH MINH	CLO	33-34	2	9			63	KHOAN	Vietnamese
5	DƯƠNG QUỐC VIỆT	CLO	97	1	10			61	KHOAN	Vietnamese
6	MAI THẾ HIỀN	CLO	96	1	11			89	KHOAN	Vietnamese
7	CHU QUANG SƠN	CLO	24	1	11			75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	CLO	94	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
9	ĐOÀN XUÂN CƯỜNG	CLO	800	1	13			69	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN DŨNG	CLO	98-99	2	20			52	CODIEN	Vietnamese
11	PHAN VĂN HIẾU	CLO	23	1	9	3	28	61	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN PHẠM DUY KHANG	CLO	22	1	10			81	CODIEN	Vietnamese
13	ĐỖ THANH HẢI	CLO	95	1	11			68	DVL	Vietnamese
14	CAO KINH THAO	CLO	28	1	15	1	10	70	T-TIN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU ĐỨC	CLO	35-36	2	20	1	7	77	T-TIN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HÒA	CLO						80	PSV	Vietnamese
17	PHÙNG HÀ TÀI	TTC1	82	1	5	1	20	107	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ HÙNG TUẤN	TTC1	81	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRUNG THỦY	TTC1	79	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HÙNG	TTC1	80	1	8			76	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUẤN (1991)	TTC2	89	1	6			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	16	1.126	19	175	5	45	9		
2	TTC1	4	323	4	23	1	20	6		
3	TTC2	1	67	1	6	0	0	6		
TOTAL		21	1.516	24	204	6	65	21		
WEIGHT KG			1.516		204		65			

GRAND TOAL: 1.785 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8410	ETD: 14:35
B.CARD: CAM-4	TO: P11 - P6 - P9	CREW: LINH - VTHẮNG - TÚ	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 13		VNHS FLIGHT: TM26/3806	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRINH XUÂN TÀI	P11	11-12	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHẮC SƠN	P11	17-18	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM TIẾN TUỒNG	P11	09-10	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ VĂN KHA	P11	07-08	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC NAM	P11	16	1	9			62	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM LÊ TUẤN	P11	06	1	8			84	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
7	NGUYEN THI KHOI	P11	13	1	9			61	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
8	NGUYỄN HUU Ý	P11	01	1	12			94	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
9	PHAM VAN NAM	P11	05	1	12	1	20	70	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
10	TRẦN VĂN ĐÀM	P11	04	1	8			52	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
11	NGÔ VĂN SƠN	P11	03	1	14			62	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN HUẤN	P11	02	1	8			60	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NĂNG	P11	14	1	8			60	TRƯỜNG VINH	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC AN	P6	79	1	4	1	10	70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN ĐỨC NGUYỄN	P6	82	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO MINH HOÀNG	P6	81	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ HOÀNG NAM	P6	76	1	14			79	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC DŨNG	P6	80	1	12			85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P6	83	1	7			67	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P6	78	1	7			65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY KHÁNH	P6	77	1	5			90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	13	867	17	162	1	20	2		
2	P6	8	595	8	64	1	10	6		
3	P9	0	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		21	1.462	25	226	2	30	19		
WEIGHT KG			1.462		226		30			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THÚC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGÔ VĂN THẮNG

☐
☒



FLIGHT MANIFEST



Giữ lửa cho Tương lai

DATE: 20/08/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: VN-8427	ETD: 14:40
B.CARD: VANG-4	TO: CTK3 - RP3 - RC6	CREW: DƯƠNG - MTHAO - VŨ	ETA: 16:30
VSP FLIGHT: 14		VNHS FLIGHT: TM26/3810	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	88-89	2	16	2	40	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC THUẬN	CTK3	90	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN LỄ	CTK3	91	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRI TIN	CTK3						95	SAN BAY	Vietnamese
5	APIWAT SAEUI	RP3	69-70	2	20			86	SCHLUMBERGER	Thailand
6	NGÔ QUANG PHÚC	RP3	62-63	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN THANH TÙNG	RP3	64-65	2	13			78	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN TÙNG	RP3	59-60	2	11			58	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	RP3	47-48	2	2			77	XAYLAP	Vietnamese
10	MAI TRÙNG DƯƠNG	RP3	61	1	11			69	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN DOÃN HÙNG	RP3	57-58	2	16			71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU HOÀNG	RP3	55-56	2	20			69	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ HỮU CƯỜNG	RP3	53-54	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN TIẾN TRƯỜNG	RP3	66	1	14	2	21	69	XAYLAP	Vietnamese
15	DƯƠNG VĂN TUẤN	RP3	51-52	2	19			74	XAYLAP	Vietnamese
16	CÁI THANH CHUÔNG	RP3	49-50	2	13			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	4	308	4	33	2	40	4		DIEU PHAI VE: PHAM HUU TUNG
2	RP3	12	875	22	179	2	21	0		
3	RC6	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		16	1.183	26	212	4	61	11		
WEIGHT KG			1.183		212		61			

GRAND TOAL: 1.456 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
MAI VĂN THAO

